

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Lữ Văn Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 08 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ. Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh K; sinh năm: 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang. (Nay là ấp Mỹ Phú, xã Hoà Mỹ, thành phố Cần Thơ)

- *Các bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1960

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. (Nay là Khu vực A, phường A, thành phố Cần Thơ)

Đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn: Ông B; sinh năm: 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Số AA, ấp X, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang. (Nay là số AAA, ấp X, xã H, thành phố Cần Thơ)

- *Người làm chứng:* Ông Trần Trung M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh K trình bày: Bà K, ông T và bà H có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Trước đây vợ chồng ông T, bà H có mở cơ sở nuôi trồng tại khu vực A, phường H, do thiếu vốn nên đầu năm 2017 vợ chồng ông T, bà H có vay tiền của nguyên đơn tổng số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) để đầu tư, các lần nhận tiền vay cụ thể như sau:

- Tháng 4/2017 vay tổng số tiền là 212.000.000 đồng
- Tháng 4/2018 vay tổng số tiền là 300.000.000 đồng
- Tháng 4/2019 vay tổng số tiền là 288.000.000 đồng

Việc vay tiền trên có ông Trần Trung M biết, do mối quan hệ thân thiết nên các lần vay tiền không có làm giấy tờ chỉ nói miệng và các bị đơn hứa khi nào bán trồng sẽ trả hết một lần, nhưng từ khi vay ông H, bà T không đóng lãi cũng không trả gốc cho nguyên đơn.

Do thấy thời gian đã lâu và nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng bị đơn không trả mà lại bỏ địa phương đi. Đến năm 2024 khi ông T và bà H về địa phương thì nguyên đơn yêu cầu cả hai làm giấy xác nhận nợ. Vào ngày 08/02/2024 ông T đọc cho con tôi là Trần Trung M viết tờ “Giấy thỏa thuận” (giấy thỏa thuận) được lập tại nhà ông T, sau khi viết xong thì nguyên đơn cùng ông T, bà H, ông M ký tên.

Theo tờ thỏa thuận ông T, bà H thừa nhận có mượn tiền của nguyên đơn 800.000.000 đồng và đồng ý thỏa thuận trả dần mỗi tháng trả 10.000.000 đồng thời hạn là 08 năm tính từ ngày 30/3/2024 đến 30/3/2032. Nếu trong thời gian 08 năm mà không trả hết số tiền trên thì ông T, bà H phải giao thửa đất tại khu vực A, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (Nay là khu vực A, phường A, thành phố Cần Thơ) cho nguyên đơn làm chủ sở hữu. Tuy nhiên từ thời điểm thỏa thuận đến nay vợ chồng bị đơn vẫn không trả tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận.

Nay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền các bị đơn Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H là ông B trình bày: Phía bị đơn không thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Trước đây do bà H bị bệnh nhiều, khi ra viện hoàn cảnh gia đình thiếu thốn. Trên đường về thăm nhà từ tỉnh Bình Dương về thành phố Ngã Bảy, vợ chồng ông T, bà H có bàn bạc với nhau là gọi điện cho Bà K để hỏi mượn số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), để phòng có tiền tái khám. Bà K là bà con bên xui gia của vợ chồng bị đơn nên hai bên cũng có quen biết, tuy

nhiên trước đó hai bên chưa từng diễn ra việc vay tiền. Sau khi các bị đơn gọi điện thoại cho Bà K hỏi mượn tiền thì Bà K đồng ý và hẹn khi nào ông T, bà H về tới thành phố Ngã Bảy thì vào quán cà phê nào đó thì gọi điện thoại cho Bà K đến.

Khi về đến thành phố Ngã Bảy vợ chồng bị đơn chạy đến quán cà phê Ngọc Sương gọi Bà K đến. Lát sau thì Bà K để cùng với một thanh niên khoảng 30 tuổi, vợ chồng bị đơn trình bày hoàn cảnh với Bà K và hỏi mượn 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) sau đó sẽ từ từ trả lại. Bà K đồng ý cho vợ chồng bị đơn mượn và lãi suất mỗi tháng là 5%/tháng. Tuy nhiên, Bà K hẹn với vợ chồng bị đơn vào ngày 30/3/2024 mới có tiền, do chờ bà rút tiền từ ngân hàng mới có tiền đưa.

Sau đó Bà K kêu người thanh niên mang giấy tờ ra cho vợ chồng bị đơn ký tên, lúc này là cuốn tập học sinh (tập trắng) không ghi nội dung như thoả thuận. Vợ chồng bị đơn thừa nhận chữ ký trong “Giấy thoả thuận” (giấy thoả thuận) là chữ ký của vợ chồng bị đơn, tuy nhiên vợ chồng bị đơn ký là để vay 8.000.000 đồng và ký giấy trắng chứ không hề có nội dung vay 800.000.000 đồng như nguyên đơn cung cấp. Khi đó Bà K kêu ký trước khi nào chuyển tiền Bà K sẽ tự ghi nội dung vào mặt trước của tờ giấy, do thân thiết và bản thân đang cần vay tiền nên vợ chồng bị đơn ký theo lời Bà K. Nay đối với yêu cầu trả số tiền 800.000.000 đồng của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý do vợ chồng không mượn số tiền trên.

Trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền người làm chứng ông Trần Trung M trình bày: Ông M là con ruột của nguyên đơn, giấy thoả thuận là do bị đơn là ông T đọc cho ông M viết tại nhà ông T, văn bản được viết vào ngày 28/02/2024 với nội dung là ông T và bà H mượn của Bà K tổng số tiền 800.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 10.000.000 đồng với thời hạn 08 năm. Nếu sau 08 năm ông T và bà H không trả số tiền trên thì sẽ giao thừa đất tại khu vực A, phường H cho Bà K đứng tên, sau khi viết xong ông T, bà H, ông M và Bà K cùng ký tên vào. Giấy thoả thuận được lập thành 02 bản nội dung giống nhau và mỗi bên giữ một bản. Về việc ông T, bà H mượn tiền của Bà K bắt đầu từ tháng 4/2017 do sau nhiều lần không trả nên đến ngày 28/02/2024 mới làm giấy mượn nợ trên.

Về trình tự thủ tục: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục quy định. Về nội dung vụ

án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng;

Về án phí: Các bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Các bị đơn có đăng ký thường trú tại Khu vực A, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. (Nay là Khu vực A, phường A, thành phố Cần Thơ) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ) theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2]. Trước khi mở phiên tòa người làm chứng ông Trần Trung M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy: Theo tờ thoả thuận lập ngày 08/02/2024 thể hiện việc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có mượn của bà Nguyễn Thị Thanh K tổng số tiền là 800.000.000 đồng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng thời hạn trả là 08 năm, trường hợp sau 08 năm ông T, bà H không trả hết số tiền trên thì sẽ giao thửa đất tại khu vực A, phường H cho Bà K. Tuy nhiên, do từ thời điểm lập văn bản trên đến nay phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bà K theo thoả thuận dù nguyên đơn có đến trao đổi với vợ chồng bị đơn nhưng vợ chồng bị đơn hứa hẹn nhưng không trả nợ.

Nhận thấy, Bà K cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của mình về việc vợ chồng ông T, bà H có mượn của Bà K 800.000.000 đồng. Đồng thời, ông T, bà H cũng thừa nhận chữ ký trong bản trên là của mình nhưng không thống nhất với số tiền đã mượn, ông T bà H cho rằng chỉ mượn 8.000.000 đồng, nhưng ông T, bà H không cung cấp được thông tin hay người làm chứng nào khác chứng minh ông T, bà H mượn Bà K 8.000.000 đồng. Đến thời hạn trả hàng tháng thì ông T, bà H không thực hiện theo thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ của người vay do đó Bà K khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 463 và điều 466 của Bộ Luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng các nguyên đơn: Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H trả cho nguyên

đơn Nguyễn Thị Thanh M tổng số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Do đó, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu 36.000.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh K. Buộc các bị đơn Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Hoàng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H phải chi 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ.

- Nguyên đơn là Nguyễn Thị Thanh Liên được nhận lại 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0005873 ngày 14/10/2024 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Viện KSND Khu vực 13 – Cần Thơ;
- P. THADS Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung